

第二課  
親子共學樂融融



Bài 2

Mẹ con cùng học vui quá lá vui

四

2

親子共學樂融融






■ 我的孩子自強進入一年級就讀，我也跟著去參加學校開辦的識字教育班，班上很多同學都和我一樣，從越南、印尼、菲律賓、泰國或是柬埔寨嫁來臺灣。

■ 學校安排的課程很豐富，有認讀中文，有介紹臺灣的文化和風土民情，還有婚姻經營、子女教養… …等，其中我最感興趣的就是學習注音符號，以及中文的聽、說、讀、寫。



- Tự Cường con tôi vào học lớp 1, tôi cũng đi theo tham gia lớp học chữ do trường khai giảng. Trong lớp nhiều bạn học cũng như tôi, họ đều là những cô dâu gả từ Việt Nam, Indonesia, Philppine, hoặc Campuchia đến Đài loan.
- Trường sắp xếp chương trình học tập rất là phong phú, gồm lớp tập đọc tiếng Hoa, giới thiệu nền văn hóa, phong tục tập quán của Đài Loan, còn có việc kinh doanh hôn nhân, giáo dục con cái, trong đó tôi thích nhất là chú âm phù hiệu và nghe, nói đọc, viết trong Hoa văn.





■ 晚餐後，我都會和自強一起練習注音符号，比賽誰的拼音又快又準。我經常搞不清楚一聲或四聲，自強則是容易將ㄛ、ㄥ弄混，結果我們是互有輸贏，不分上下，間接也使得我們的拼音能力進步神速。我的先生常用一句閩南語「互相漏氣求進步」來形容我們母子。



■ Sau bữa cơm tối, Tôi cùng với Tự Cường luyện tập chú âm phù hiệu, thi đua xem phát âm của người nào vừa mau lại vừa chuẩn. Thông thường tôi không phân biệt rõ âm thứ 1 hoặc âm thứ 4, Tự Cường thì hay dùng ㄣ với ㄥ đảo lộn, kết quả mẹ con tôi cũng thắng bại như nhau, bất phân cao thấp, gián tiếp giúp cho năng lực phát âm của chúng tôi tiến bộ nhanh chóng . Chồng tôi thì dùng 1 câu tiếng Phúc Kiến “ Động viên tinh thần lẫn nhau cầu tiến bộ” để hình dung mẹ con tôi.





■ 經過三學期的課程，我的中文程度已足夠應付日常生活，出門也不需要有人在身旁當翻譯。陪自強做功課時，除了可以替他檢查是否正確之外，還能給他一些指導和建議，然後在聯絡簿上簽名，做個稱職的媽媽。

■ 記得有一回自強生病了，我鼓起勇氣打電話向老師請假，本來很擔心我會說不清楚，沒想到老師稱讚我的中文說得很流利，並說我對孩子的教育很用心，讓我很有成就感。

■ Qua 3 khóa học tập, trình độ Hoa văn của tôi cũng đủ để ứng phó cho sinh hoạt hằng ngày, ra ngoài đường cũng không cần đến một người kê bên làm phiên dịch. Lúc cùng với Tự Cường làm bài vở, ngoại trừ có thể kiểm tra bài làm của nó có chính xác chưa, còn có thể cho con tôi một ít lời khuyên và chỉ đạo, sau đó ký vào sổ liên lạc, làm tròn trách nhiệm của người mẹ.

■ Nhớ có lần Tự Cường sanh bệnh, tôi lấy hết can đảm gọi điện cho thầy giáo xin phép nghỉ học, vốn là tôi rất lo mình nói không rành mạch, không ngờ thầy khen Hoa văn của tôi nói rất lưu loát, còn nói là tôi rất chuyên tâm đến việc giáo dục con trai, khiến tôi có cảm giác đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.



■ 老師還要我平時多利用網絡簿作為親師溝通的媒介，有空時多參加親職教育講座，這樣不但可以增進教養子女的能⼒，還能陪同孩子學習，快樂無比。





■ Thầy còn yêu cầu tôi bình thường nên lợi dụng số liên lạc để cùng thầy làm cầu nối giao lưu, có thời gian rảnh rỗi nên tham gia nhiều buổi tọa đàm cùng các bậc phụ huynh nói về việc giáo dục con cái. Như vậy chẳng những đề cao năng lực nuôi dưỡng và có thể cùng chung học tập với con cái. Thật không niềm vui sướng nào sánh được.





親 <sup>シ</sup> 子 <sup>コ</sup> 共 <sup>ニ</sup> 學 <sup>ブ</sup>	Mẹ con cùng học
自 <sup>チ</sup> 強 <sup>ク</sup>	Tự Cường
一 <sup>ヒト</sup> 年 <sup>ネン</sup> 級 <sup>キョウ</sup>	Lớp 1
越 <sup>ヘ</sup> 南 <sup>ナン</sup>	Việt Nam
豐 <sup>トウ</sup> 富 <sup>フ</sup>	Phong phú
風 <sup>フウ</sup> 土 <sup>ツ</sup> 民 <sup>ミン</sup> 情 <sup>シヨウ</sup>	Phong tục tập quán
注 <sup>チュウ</sup> 音 <sup>オン</sup> 符 <sup>フ</sup> 號 <sup>ゴウ</sup>	Chú âm phù hiệu
晚 <sup>バン</sup> 餐 <sup>サン</sup>	Bữa ăn tối
比 <sup>ヒ</sup> 賽 <sup>サイ</sup>	Thi đua
拼 <sup>ヘン</sup> 音 <sup>オン</sup>	Đánh vần
弄 <sup>リウ</sup> 混 <sup>コン</sup>	Lộn xộn
神 <sup>シン</sup> 速 <sup>ソク</sup>	Thần tốc , nhanh chóng
一 <sup>ヒト</sup> 句 <sup>ク</sup>	Một câu
漏 <sup>ロウ</sup> 氣 <sup>キ</sup>	Động viên tinh thần
足 <sup>ソク</sup> 夠 <sup>ゴウ</sup>	Đầy đủ
身 <sup>シン</sup> 旁 <sup>ボウ</sup>	Kế bên mình
翻 <sup>ハン</sup> 譯 <sup>イ</sup>	Phiên dịch
建 <sup>ケン</sup> 議 <sup>イ</sup>	Kiến nghị
聯 <sup>レン</sup> 絡 <sup>ラク</sup> 簿 <sup>ボ</sup>	Sổ liên lạc

簽名

Ký tên

沒想到

Không ngờ

四

2

親子共學樂融融

